|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BTTTT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO 2**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số [06/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-06-2016-nd-cp-quan-ly-cung-cap-va-su-dung-dich-vu-phat-thanh-truyen-hinh-300818.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 06/2016/NĐ-CP) ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.**

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số*[*06/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-06-2016-nd-cp-quan-ly-cung-cap-va-su-dung-dich-vu-phat-thanh-truyen-hinh-300818.aspx)*ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số**[**06/2016/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-06-2016-nd-cp-quan-ly-cung-cap-va-su-dung-dich-vu-phat-thanh-truyen-hinh-300818.aspx)**ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.**

**1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2, như sau:*

Biểu mẫu áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, thu xem kênh chương trình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam, với ký hiệu như quy định tại danh mục dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên biểu mẫu** | **Ký hiệu** |
| 1 | Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 02/DVTHTT |
| 2 | Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 06/DVTHTT |
| 3 | Biểu mẫu báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 09A/DVTHTT |
| 4 | Biểu mẫu báo cáo nhanh theo tháng hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 10A/DVTHTT |

*b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 2, như sau:*

Biểu mẫu áp dụng cho các cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình, với ký hiệu như quy định tại danh mục dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên biểu mẫu** | **Ký hiệu** |
| 1 | Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, truyền hình trong nước | Mẫu số 13/SXCT |
| 2 | Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | Mẫu số 15/BTCT |
| 3 | Biểu mẫu báo cáo hoạt động liên kết biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu | Mẫu số 16A/SXCT |

*c) Bổ sung Khoản 3 Điều 2, như sau:*

Hướng dẫn kê khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; Tờ khai đăng ký/ sửa đổi/ bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh và Hướng dẫn lập hồ sơ theo dõi: dịch vụ theo yêu cầu; theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng, với ký hiệu như quy định tại danh mục dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hướng dẫn** | **Ký hiệu** |
| 1 | Kê khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; Tờ khai đăng ký/ sửa đổi/ bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh | Hướng dẫn 01/PTTH |
| 2 | Lập hồ sơ theo dõi: dịch vụ theo yêu cầu; theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng | Hướng dẫn 02/PTTH |

**2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

*a) Bổ sung Khoản 1 Điều 4, như sau:*

“1. Định kỳ 6 tháng, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 09A/DVTHTT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo sáu tháng đầu năm trước ngày 08 tháng 6 hàng năm và báo cáo hàng năm trước ngày 27 tháng 11 hàng năm.”

*b) Bổ sung Khoản 2 Điều 4, như sau:*

“2. Định kỳ hàng tháng, các doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo nhanh hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 10A/DVTHTT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo nhanh trước ngày 16 hàng tháng.

*c) Bổ sung Khoản 3 Điều 4, như sau:*

“3. Định kỳ 6 tháng, các cơ quan báo chí được cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước có hoạt động liên kết biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu có trách nhiệm báo cáo về hoạt động liên kết biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu cho Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo mẫu số 16A/SXCT quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Thời hạn gửi báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 08 tháng 6 hàng năm và báo cáo 12 tháng trước ngày 27 tháng 11 hàng năm.”

d*) Bổ sung Khoản 5 Điều 4, như sau:*

“5. Báo cáo nghiệp vụ của các cơ quan, doanh nghiệp gửi bằng một trong các phương thức sau về Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử: trực tiếp, qua đường bưu chính, trực tuyến trên hệ thống báo cáo tại trang thông tin điện tử của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.”

**Điều 2. Hiệu lực thi hành và các quy định chuyển tiếp**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày……tháng…… năm 2023.

2. Các Giấy phép, Giấy chứng nhận đã được cấp tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn của Giấy phép, Giấy chứng nhận.

3. Các doanh nghiệp nước ngoài đã triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trên mạng Internet xuyên biên giới tới người sử dụng tại Việt Nam trước ngày 01 tháng 01 năm 2023, đang thực hiện thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, phải thực hiện báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ; - Văn phòng Trung ương Đảng; - Văn phòng Tổng bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án Nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Hiệp hội truyền hình trả tiền Việt Nam; - Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp); - Cổng thông tin điện tử Chính phủ; - Công báo; - Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, Các cơ quan và đơn vị thuộc Bộ, Cổng thông tin điện tử; - Các cơ quan báo chí có GP hoạt động phát thanh, truyền hình; - Các đơn vị cung cấp dịch vụ PTTH; - Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT. | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  Số: /GP-BTTTT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20..* |

**GIẤY PHÉP CUNG CẤP**

**DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

*(Có giá trị đến hết ngày ...... tháng ......năm ...........)*

*Cấp lần đầu ngày…….tháng …….năm …*

*Cấp………ngày……..tháng………năm……*

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số… do…..cấp ngày…..tháng….năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung);*

*Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số….ngày….tháng……năm…..và hồ sơ bổ sung số …ngày...... tháng….năm của (tên doanh nghiệp);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,*

**CẤP PHÉP CHO:**

**Tên doanh nghiệp** (viết bằng chữ in hoa)

- Tên giao dịch:…………………………………………………………..

- Tên giao dịch quốc tế: …………………………………………………..

- Tên viết tắt: ………………………………………………………………

- Địa chỉ trụ sở chính: …...............................................................................

- Điện thoại: …………………………..- Fax: ……………………………

*- Email: …………………………………………………………………………..*

*- Website:…………………………………………………………………………*

*- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số……do…*.*cấp ngày…*.*tháng…*.*năm……*

Được cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các quy định sau:

**Điều 1. Loại hình dịch vụ**

*Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số/ Dịch vụ truyền hình cáp (tương tự/ kỹ thuật số/ giao thức Internet (IPTV))/ Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/ Dịch vụ truyền hình di động/ Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet*

**Điều 2. Quy định về kỹ thuật**

1. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát:

- Địa điểm chính: ………………………………………………….

- Địa điểm dự phòng: ……………………………………………….

2. Các địa điểm trung tâm thu phát chuyển tiếp tại địa phương: …………

3. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh: …………………

4. Phương thức truyền dẫn tín hiệu: …………………………………

5. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung: ………………………………

*6. Tần số phát sóng: ……………………………………………………….*

7. Khả năng chèn/ thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu: ……………………………………………..

*8. Quy định khác về kỹ thuật:* …………………………………………

**Điều 3. Quy định về cung cấp dịch vụ**

1. Phạm vi: ……………………………………………………………

2. Đối tượng: ………………………………………………………….

3. Phương thức quản lý thuê bao: …………………………………………

4. Chất lượng dịch vụ: …………………………………………………….

5. Nội dung thông tin: …………………………………………………….

**Điều 4. Quy định khác**

Ngoài các quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, (*tên doanh nghiệp*) có trách nhiệm:

1*. Bảo đảm triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam và phạm vi thiết lập hạ tầng mạng viễn thông quy định tại* *Giấy phép Thiết lập mạng viễn thông công cộng số ….do…..cấp ngày…..tháng……năm…*.*/ Giấy xác nhận tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng cung cấp dịch vụ.*

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

3. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn và an ninh thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

4. Thực hiện chế độ báo cáo nghiệp vụ định kỳ và đột xuất về tình hình cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

5. Thực hiện công khai niêm yết giá dịch vụ, giá gói dịch vụ theo quy định của pháp luật.

6. Nộp đầy đủ và đúng hạn phí quyền cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nhập khẩu, phân phối, lắp đặt, vận hành trang thiết bị kỹ thuật phục vụ triển khai giấy phép và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

8. Cung cấp đường truyền tín hiệu và thiết bị giải mã tới địa điểm theo yêu cầu của cơ quan cấp phép hoặc cung cấp tài khoản sử dụng toàn bộ nội dung trên dịch vụ để phục vụ công tác quản lý.

9. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** **Hiệu lực giấy phép**

*Giấy phép này có hiệu lực từ ngày….. và thay thế cho ……/*.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *- Tổ chức được cấp phép;*  *- Lãnh đạo Bộ phụ trách;*  *- Sở TTTT (phù hợp phạm vi quản lý);*  *- ………….;*  *- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT*. | **BỘ TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  **CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**  **VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**  Số: /GCN-KENH-PTTH&TTĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20…* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ**

**DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN**

**DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

*(Có giá trị đến hết ngày ...... tháng ......năm .....)*

*Cấp lần đầu ngày…….tháng …….năm …*

*Cấp………ngày……..tháng………năm……*

**CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

**VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHỨNG NHẬN:**

**Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (viết chữ in hoa):** ……………………………………………………………….

- Địa chỉ trụ sở chính: …………………………………………………….

- *Điện t**hoại: ……………………….* - *Fax: …………………………………….*

- *Email (nếu có): …………………………………………………………………*

- *Website (nếu có): ……………………………………………………………….*

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số…do … cấp lần đầu ngày….tháng ….năm; …Cấp…ngày…tháng…năm…

*- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ truyền hình trả tiền số…..do….cấp ngày…….. tháng……năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục).*

**1. Chứng nhận đăng ký *danh mục/ bổ sung, sửa đổi* danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN KÊNH/ BIỀU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH** | **ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH** | **ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)** | **LOẠI KÊNH/TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH** | **ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH** | **PHẠM VI CUNG CẤP** |
| **I** | **Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương** | | | | | |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Các kênh chương trình trong nước khác** | | | | | |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Kênh chương trình nước ngoài** | | | | | |
| 4 |  |  |  |  |  |  |

**2. Kênh chương trình thực hiện cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN KÊNH/ BIỀU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH** | **ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)** | **ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)** | **LOẠI KÊNH/TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH KÊNH CHƯƠNG TRÌNH** | **ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH** | **PHẠM VI CUNG CẤP** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

**3. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền**

*(Tên doanh nghiệp)* có trách nhiệm cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình được ghi tại Giấy chứng nhận này trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; thực hiện theo đúng các quy định của Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bản quyền chương trình truyền hình và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**4.** **Hiệu lực của Giấy chứng nhận**

*Việc cung cấp các kênh chương trình được ghi tại Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của hợp đồng bản quyền kênh chương trình.*

*Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số……(áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung danh mục)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *- Tổ chức được cấp chứng nhận;*  *- Lãnh đạo Bộ phụ trách (để b/c);*  *- Sở TTTT (phù hợp với phạm vi quản lý);*  *- Lãnh đạo Cục;*  *- Phòng QLDV, Văn phòng;*  *- Lưu: VT, P. PTTH.* | **CỤC TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng Giấy chứng nhận cụ thể.*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP**  Số: /  V/v báo cáo định kỳ số liệu nội dung cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *……., ngày tháng năm 20…* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP NỘI DUNG TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

**I. Thông tin chung về doanh nghiệp:**

- Tên doanh nghiệp:

- Số Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Website:

- Số Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

- Số Giấy phép thiết lập hạ tầng mạng viễn thông công cộng/ Giấy chứng nhận đăng ký tên miền hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng cung cấp dịch vụ (nếu có):

**II. Thời kỳ báo cáo:** (*Đánh dấu* 🗹 *vào ô trống phù hợp*)

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 06 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ 06/12/20…– 05/6/20…) □

- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ 25/11/20….– 24/11/20…..) □

**III. Nội dung báo cáo:**

**1. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu đối với dịch vụ có cung cấp kênh chương trình** *(đánh dấu* 🗹 *vào ô trống phù hợp)*

- Cung cấp đủ theo quy định:

- Cung cấp không đủ theo quy định:

Lý do:.................................................................................

- Tỷ lệ người xem kênh thiết yếu *(đối với dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên kênh** | **Số lượt thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo** | **Thời gian trung bình một thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo** | **Khung giờ có số lượt thuê bao xem nhiều trong kỳ báo cáo** |
| 1 | VTV 1 |  |  |  |
| 2 | VTC 1 |  |  |  |
| 3 | ANTV |  |  |  |
| 4 | QPVN |  |  |  |
| 5 | QHVN |  |  |  |
| 6 | Vnews |  |  |  |
| 7 | Nhân dân |  |  |  |

**2. Dịch vụ theo yêu cầu/ dịch vụ giá trị giá tăng:** (*Đánh dấu* 🗹 *vào ô trống phù hợp*)

- Dịch vụ theo yêu cầu:

+ Nội dung dịch vụ theo yêu cầu: Có Không

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm chương trình** | **Số lượng chương trình trên dịch vụ (tập/ phần)** | | | **Tổng thời lượng chương trình trên dịch vụ (phút)** | |
| **Trong nước** | | **Nước ngoài** | **Trong nước** | **Nước ngoài** |
|  | **1** | **2** | | | **3** | |
| 1 | Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội. |  |  | |  |  |
| 2 | Phim (\*). |  |  | |  |  |
| 3 | Chương trình thể thao, giải trí. |  |  | |  |  |

*Ghi chú: (\*) doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo danh sách và kết quả phân loại phim tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ truyền hình cáp giao thức Internet và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.*

+ Giá gói cước dịch vụ theo yêu cầu: *(liệt kê đầy đủ thông tin về tên các gói cước, giá các gói cước nội dung theo yêu cầu):…*.

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu: Có Không

- Dịch vụ giá trị gia tăng:

+ Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng: Có Không

+ Hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng: Có Không

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - ……….  - Lưu: | **Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP**  Số: /  V/v báo cáo nhanh theo tháng | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *……., ngày tháng năm 20..* |

**BÁO CÁO NHANH THEO THÁNG HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP NỘI DUNG**

**TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

**I. Thông tin chung về doanh nghiệp:**

- Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Website:

**II. Thời gian báo cáo:**

Tháng ....../20.......(số liệu báo cáo tháng tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 của tháng báo cáo).

**III. Nội dung báo cáo:**

**- Về tỷ lệ người xem kênh thiết yếu quốc gia trên dịch vụ** *(đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên kênh** | **Số lượt thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo** | **Thời gian trung bình một thuê bao xem kênh trong kỳ báo cáo** | **Khung giờ có số lượt thuê bao xem nhiều trong kỳ báo cáo** |
| 1 | VTV 1 |  |  |  |
| 2 | VTC 1 |  |  |  |
| 3 | ANTV |  |  |  |
| 4 | QPVN |  |  |  |
| 5 | QHVN |  |  |  |
| 6 | Vnews |  |  |  |
| 7 | Nhân dân |  |  |  |

**- Về số liệu nội dung theo yêu cầu** *(đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình cáp IPTV và dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet)*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm chương trình** | | **Số lượng chương trình mới trong tháng (tập/ phần)** | | **Tổng thời lượng chương trình mới trong tháng (phút)** | **Số lượng chương trình trên dịch vụ (tập/ phần)** | **Tổng thời lượng chương trình trên dịch vụ (phút)** |
|  | **1** | | **2** | | **3** | **4** | **5** |
| 1 | Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội. | |  | |  |  |  |
| 2 | Phim (\*). | |  | |  |  |  |
| 3 | Chương trình thể thao, giải trí. | |  | |  |  |  |
| *Ghi chú: (\*) doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo danh sách và kết quả phân loại phim tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ.* | | | | | | | | |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: | |  | | **Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  *(Ký tên, đóng dấu)* | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  Số: /GP-BTTTT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20..* |

**GIẤY PHÉP**

**SẢN XUẤT KÊNH CHƯƠNG TRÌNH**

**PHÁT THANH/ TRUYỀN HÌNH TRONG NƯỚC**

*(Có giá trị đến hết ngày ...... tháng ......năm ...)*

*Cấp lần đầu ngày…….tháng …….năm …*

*Cấp………ngày……..tháng………năm…*

**BỘ TRƯỞNG** **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số* [*06/2016/NĐ-CP*](http://mic.gov.vn/vbqppl/Lists/Vn%20bn%20QPPL/Attachments/7948/132-nd.pdf) *ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Căn cứ Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước số… do…..cấp ngày…..tháng….năm (áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung);*

*Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình phát thanh/ truyền hình trong nước số….do….cấp ngày….tháng……năm…..và hồ sơ bổ sung số …ngày…..tháng….năm..... của (tên cơ quan báo chí);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,*

**CẤP PHÉP CHO:**

**Tên cơ quan báo chí hoạt động**

**phát thanh/ truyền hình** (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính: …………………………………………………….

- Điện thoại: ………………………. - Fax: ………………………………

- Email (nếu có): ………………………………………………………….

- Website (nếu có): ……………………………………………………….

- Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình* số…..do….. *cấp……ngày……*..*tháng……năm……*

Được sản xuất kênh chương trình *phát thanh/ truyền hình* trong nước theo các nội dung sau:

**1. Quy định về kênh chương trình:** (*Phát thanh hoặc Truyền hình*)

1.1. Tên kênh chương trình:………………………………………………..

1.2. Biểu tượng kênh chương trình:. ..……………….…………………….

1.3. Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình:………………………………..

1.4. Ngôn ngữ thể hiện:…………………………………………………….

1.5. Đối tượng phục vụ:…………………………………………………….

1.6. Thời gian phát sóng *(từ*.....*giờ đến*…..*giờ):*…………………………...

1.7. Thời lượng phát sóng *(*….*giờ/ ngày)*: ………………………………...

1.8. Thời lượng chương trình tự sản xuất trung bình trong một ngày:

- Phát lần 1 (phát mới): …………………………………………………….

- Phát lại: …………………………………………………………………..

1.9. Thời lượng chương trình phát lần 1 (phát mới) trong một ngày: ……………………………………………………………………………...

1.10. Cấu tạo khung chương trình cơ bản:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chuyên mục/loại chương trình** | **Nội dung** | **Thời lượng (phút)** | | **Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng** | | |
| **Trung bình/ngày** | **Trong 01 tháng** | **Trung bình/**  **ngày** | **Trong 01 tháng** | |
|  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  | |  |

1.11. Đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình:

- Đối với kênh chương trình truyền hình

Độ phân giải hình ảnh: …………………………………………….............

- Đối với kênh chương trình phát thanh

Âm thanh:………………………………………………………………….

1.12. Đặc điểm nội dung kênh chương trình:

*Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình (tên kênh chương trình) hoàn toàn giống nhau khi phát sóng theo quy định tại điểm 1.11.*

**2. Địa điểm sản xuất kênh chương trình**: ………………………………

**3.** **Địa điểm đặt phòng tổng khống chế cung cấp tín hiệu kênh chương trình hoàn chỉnh cho các đơn vị sử dụng kênh chương trình**: .................................................................................................................................

**4. Phương thức cung cấp kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình:**

*Phương thức dịch vụ quảng bá/ Phương thức dịch vụ trả tiền.*

**5. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:**

*Dịch vụ tru**yền hình mặt đất kỹ thuật số/ Dịch vụ truyền hình cáp tương tự/ Dịch vụ truyền hình cáp kỹ thuật số/ Dịch vụ truyền hình cáp IPTV/ Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh/ Dịch vụ truyền hình di động/ Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.*

**6.** **Người chịu trách nhiệm nội dung kênh chương trình:**

6.1. Họ và tên: …………………………………………………………..

6.2. Chức danh (*Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập/ Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/ Giám đốc, Phó Giám đốc):*............................................................

**7. Các quy định khác:**

……………………………………………………………………………...

**8. Hiệu lực của Giấy phép:**

*- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày…. tháng…. năm…* *(hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp, nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực của Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình của đơn vị được cấp phép).*

*- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép số…. ngày…. năm… do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung).*

*- Cơ quan chủ quản/ cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình được cấp phép có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất các hoạt động liên kết sản xuất chương trình trên kênh (nếu có); thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép ./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *- Cơ quan báo chí được cấp phép;*  *- Cơ quan chủ quản;*  *- Ban Tuyên giáo Trung ương;*  *- Văn phòng Chính phủ;*  *- UBND, Sở TTTT (phù hợp phạm vi quản lý);*  *- ………….;*  *- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.* | **BỘ TRƯỞNG**  *(ký tên và đóng dấu)* |

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  Số: /GP-BTTTT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20..* |

**GIẤY PHÉP**

**BIÊN TẬP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI**

**TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

*(Có giá trị đến hết ngày ...... tháng ......năm ....)*

*Cấp lần đầu ngày…….tháng …….năm …*

*Cấp………ngày……tháng………năm……*

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số* [*06/2016/NĐ-CP*](http://mic.gov.vn/vbqppl/Lists/Vn%20bn%20QPPL/Attachments/7948/132-nd.pdf) *ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;*

*Căn cứ Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số… do…..cấp ngày…..tháng….năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung);*

*Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số….. do….cấp ngày….tháng……năm…../ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung số …ngày…..tháng….năm của (tên cơ quan báo chí);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử,*

**CẤP PHÉP CHO:**

**Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình**

**được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài**

(viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ trụ sở chính: …………………………………………………….

- *Điện t**hoại: ……………………….* - *Fax: …………………………………….*

- *Email (nếu có): …………………………………………………………………*

- *Website (nếu có): ……………………………………………………………….*

- Số Giấy phép hoạt động *phát thanh/ truyền hình*: *Cấp lần đầu ngày…….tháng …….năm …; Cấp………ngày……..tháng………năm……*

Được thực hiện biên tập kênh chương trình nước ngoài theo các quy định sau:

**Điều 1. Quy định về kênh chương trình:**

1. Tên kênh chương trình: …………………………………………..............

2. Biểu tượng kênh chương trình: ..……………….…………………………

3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình nước ngoài (*bao gồm cả tên viết tắt*): .............................................................................................................................

4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình nước ngoài: ………………………………………………………………………….

5. Nội dung kênh chương trình:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chuyên mục/loại chương trình** | **Nội dung** | **Thời lượng (phút)** | | **Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng** | |
| **Trung bình/ngày** | **Trong 01 tháng** | **Trung bình/**  **ngày** | **Trong 01 tháng** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

6. Loại kênh chương trình *(Phim truyện/ Phim hoạt hình/ Tin tức/ Khoa học, giáo dục/ Tổng hợp/ Giải trí tổng hợp/ Thể thao/ Ca nhạc/…)*: ................................

7. Ngôn ngữ thể hiện: ...……………….……………………….....................

8. Thời gian phát sóng/ ngày: ...……………….…….....………...................

9. Thời lượng phát sóng/ ngày: ...……………….……………………….......

10. Độ phân giải hình ảnh: …………………………………………………..

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh khác nhau.

**Điều 2. Quy định về biên tập, biên dịch:**

1. Nội dung biên tập, biên dịch:

1.1. Biên tập: ………………………………………………………………

1.2. Biên dịch: …………………………………………………………….

2. Địa điểm đặt thiết bị làm chậm và thực hiện việc biên tập: ………………

**Điều 3. Phương thức thu, truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình nước ngoài:**

1. Phương thức thu tín hiệu kênh chương trình:……………………………..

2. Phương thức truyền dẫn tín hiệu kênh chương trình sau khi thực hiện biên tập, biên dịch cho các đơn vị sử dụng kênh: ………………………………………..

**Điều 4. Người chịu trách nhiệm nội dung biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài:** ………………………………………………………….

**Điều 5. Các quy định khác:** …………………………………………………

**Điều 6. Hiệu lực của Giấy phép**

*- Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày…. tháng…. năm* (*hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp, nhưng không quá thời hạn ghi trong Giấy phép hoạt động phát thanh/ truyền hình cấp cho (tên cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài)*.

*- Giấy phép này thay thế cho Giấy phép………(áp dụng đối với trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung).*

*- Cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về báo chí, quảng cáo, truyền dẫn, phát sóng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và các quy định ghi trong Giấy phép./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *- Tổ chức được cấp phép;*  *- Cơ quan chủ quản;*  *- Ban Tuyên giáo Trung ương;*  *- Văn phòng Chính phủ;*  *- UBND, Sở TTTT (phù hợp phạm vi quản lý);*  *-…………..;*  *- Lưu: VT, Cục PTTH&TTĐT.* | **BỘ TRƯỞNG**  *(ký tên và đóng dấu)* |

*Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể..*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **TÊN CƠ QUAN BÁO CHÍ HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**  Số: /  V/v báo cáo hoạt động biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *……., ngày…..tháng…..năm 20....* |

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT**

**BIÊN TẬP, BIÊN DỊCH NỘI DUNG THEO YÊU CẦU**

*(Dành cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình có thực hiện hoạt động này)*

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

**1. Tên cơ quan báo chí hoạt động phát thanh/ truyền hình**

……………………………………………………………………………..

- Địa chỉ trụ sở chính: ……………………………………………………..

- Điện thoại: ……………………………………………………………….

- Fax: ………………………………………………………………………

- Email (nếu có): …………………………………………………………..

- Website (nếu có): ………………………………………………………..

- Số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình:

*Cấp lần đầu ngày*…. *tháng*…. *năm*….

*Cấp sửa đổi, bổ sung lần …. ngày*…. *tháng*…. *năm*….

*Cấp sửa đổi, bổ sung lần …. ngày* …. *tháng*…. *năm*….

**2. Thời kỳ báo cáo:** (*Đánh dấu* 🗹 *vào ô trống phù hợp*)

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 06 tháng đầu năm (Số liệu báo cáo từ 06/12/20…– 05/6/20…) □

- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 12 tháng (Số liệu báo cáo từ 25/11/20….– 24/11/20…..) □

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan QLNN □

**3. Báo cáo hoạt động sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (AOD, VOD)** | **Nhóm nội dung thực hiện** | **Số lượng chương trình** | | | | **Tổng thời lượng chương trình**  *(đơn vị: phút)* | | | |
| **Chương trình trong nước** | | **Chương trình nước ngoài** | | **Chương trình trong nước** | | **Chương trình nước ngoài** | |
| **Sản xuất** | **Biên tập** | **Biên dịch**  *(nếu có)* | **Biên tập** | **Sản xuất** | **Biên tập** | **Biên dịch**  *(nếu có)* | **Biên tập** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* |
| 1 | Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ AOD,VOD | Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Phim |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chương trình thể thao, giải trí |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  *- Như trên;*  *- Cơ quan chủ quản;*  *-………….;*  *- Lưu:* | **Người đứng đầu cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN; TỜ KHAI ĐĂNG KÝ/ SỬA ĐỔI/ BỔ SUNG DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN; TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH**

**I. Kê khai Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 01/DVTHTT**

Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp các kênh chương trình, chỉ cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, một số mục được kê khai theo hướng dẫn sau:

*1. Mục 1.Tên doanh nghiệp*

+ Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư: Chỉ cần cung cấp số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ số Giấy chứng nhận đầu tư.

*2. Mục 2.2. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát tập trung các kênh chương trình:*

- Mục 2.2.1: Kê khai địa điểm chính đặt Trung tâm thu phát chính tại Việt Nam, là địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật chính tiếp nhận và xử lý tín hiệu phát thanh, truyền hình trước khi đưa vào mạng truyền dẫn để cung cấp đến thuê bao.

- Mục 2.2.2: Kê khai tất cả địa điểm dự phòng, là các địa điểm đặt các trang thiết bị kỹ thuật, có thực hiện việc tiếp nhận và xử lý tín hiệu, đóng vai trò dự phòng cho Trung tâm thu phát chính.

- Mục 2.2.3: Kê khai các địa điểm đặt máy chủ thu phát, chuyển tiếp tín hiệu trong quá trình cung cấp dịch vụ.

*3. Mục 2.3. Thông số về kỹ thuật*

- Mục 2.3.3 về kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung: kê khai đầy đủ kỹ thuật mã hóa bảo vệ bản quyền nội dung.

- Mục 2.3.4 về tần số phát sóng: không phải kê khai.

- Mục 2.3.5 về khả năng chèn/ thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương: không phải kê khai.

- Mục 2.3.6 về các nội dung khác:

+ Kê khai đầy đủ những tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định và ứng dụng Internet (app) phục vụ cung cấp dịch vụ.

+ Kê khai tên, biểu tượng dịch vụ (logo) không quá 10 ký tự.

+ Số lượng trang thiết bị, tính năng kỹ thuật của từng khối chức năng (xử lý tín hiệu, xác thực, mã hóa, quản lý thuê bao, tính cước, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, lưu trữ, truyền dẫn,…) đáp ứng số lượng và chất lượng nội dung dự kiến cung cấp.

*4. Mục 2.4. Thông số về cung cấp dịch vụ*

- Mục 2.4.3 về phương thức quản lý thuê bao: kê khai về phương thức thu thập và lưu trữ thông tin người sử dụng dịch vụ; những phương tiện thanh toán cước phí thuê bao dịch vụ; quy trình giải quyết khiếu nại và dự kiến các điều khoản về quyền, trách nhiệm của các bên trong cung cấp dịch vụ.

- Mục 2.4.5 về nội dung thông tin: kê khai đầy đủ thông tin về các thể loại nhóm nội dung dự kiến cung cấp trên dịch vụ.

*5. Mục 2.5. Tài liệu kèm theo*

- Cung cấp văn bản xác nhận quyền sử dụng tên miền “.vn” để cung cấp dịch vụ.

- Cung cấp văn bản xác nhận quyền sở hữu trí tuệ hoặc văn bản cam kết trách nhiệm của doanh nghiệp đối với tên, biểu tượng dịch vụ (logo) và tên, biểu tượng ứng dụng (app) cung cấp dịch vụ.

- Cung cấp sơ đồ kỹ thuật hệ thống cung cấp dịch vụ, kèm theo thuyết minh sơ đồ kỹ thuật để làm rõ quá trình cung cấp dịch vụ từ Trung tâm thu phát qua mạng truyền dẫn nội dung đến thuê bao.

**II. Kê khai Tờ khai đăng ký/ sửa đổi/ bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 05/DVTHTT**

- Loại kênh chương trình/ Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình: không phải kê khai.

- Giấy phép sản xuất kênh hoặc Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài: không phải kê khai.

**III. Kê khai Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh theo biểu mẫu số 07/DVTHTT**

Doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trường hợp thu tín hiệu qua Internet, mục 3.3 về thiết bị sử dụng được kê khai theo hướng dẫn sau:

- Anten; Ký, mã hiệu: không phải kê khai.

- Đầu thu; Ký, mã hiệu: không phải kê khai.

- Vệ tinh phát sóng: không phải kê khai.

- Thông số phát sóng: kê khai đầy đủ tên thiết bị sử dụng và địa chỉ Internet xác định để phát, thu tín hiệu kênh chương trình.

**LẬP HỒ SƠ THEO DÕI NÔI DUNG TRÊN DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU VÀ DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**I. Lập hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu**

*1. Đối với nhóm nội dung: Chương trình tin tức, thời sự; các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội (chương trình).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương trình** | **Số lượng chương trình (tập/ phần)** | **Tổng thời lượng chương trình (phút)** | **Thời điểm bắt đầu cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)** | **Thời điểm dừng cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)** | **Tên cơ quan báo chí sản xuất** |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

*2. Đối với nhóm nội dung: Phim.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phim** | **Nguồn phim (tích X vào ô phù hợp)** | | **Số quyết định Hội đồng phân loại** | **Kết quả phân loại** | **Số lượng tập phim (tập)** | **Tổng thời lượng phim (phút)** | **Thông báo tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi cung cấp trên dịch vụ (tích X vào ô phù hợp)** | | **Thời điểm bắt đầu cung cấp trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)** | **Thời điểm dừng cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)** |
| **Việt Nam** | **Nước ngoài** | **Có** | **Không** |
|  | **1** | **2** | | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **8** | **9** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*3. Đối với nhóm nội dung: Chương trình thể thao, giải trí (chương trình).*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương trình** | **Nguồn chương trình (tích X vào ô phù hợp)** | | | **Thực hiện biên tập, phân loại (tích X vào ô phù hợp)** | | **Kết quả phân loại** | **Số lượng chương trình (tập/ phần)** | **Tổng thời lượng chương trình (phút)** | **Thời điểm bắt đầu cung cấp trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)** | **Thời điểm dừng cung cấp chương trình trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)** |
| **Việt Nam** | **Nước ngoài** | | **Tự làm** | **Thuê ngoài** |
|  | **1** | **2** | | | **3** | | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| 1 |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**II. Lập hồ sơ theo dõi dịch vụ giá trị gia tăng (GTGT)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên dịch vụ GTGT** | **Tên chương trình có dịch vụ GTGT** | **Thời lượng dịch vụ GTGT** | **Thời điểm bắt đầu cung cấp dịch vụ GTGT trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)** | **Thời điểm dừng cung cấp dịch vụ GTGT trên dịch vụ (ngày/ tháng/ năm)** | **Đơn vị sản xuất nội dung GTGT** | **Thực hiện biên tập/ phân loại**  **(tích X vào ô phù hợp)** | |
| **Có** | **Không** |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  **CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**  **VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**THUYẾT MINH**

DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 19/2016/TT-BTTTT NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Ngày 30/6/2016, Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) đã ban hành Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ để hướng dẫn thực hiện Nghị định số 06/2016/NĐ-CP về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, cụ thể:

- Về biểu mẫu: Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT quy định 16 biểu mẫu, gồm 06 biểu mẫu Đơn/ Tờ khai đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận; 06 biểu mẫu Giấy phép/ Giấy chứng nhận; 04 biểu mẫu báo cáo nghiệp vụ.

- Về tần suất nộp báo cáo nghiệp vụ: Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT quy định tần suất báo cáo nghiệp vụ theo tháng (báo cáo nhanh), báo cáo 06 tháng và 12 tháng (báo cáo định kỳ).

- Về thời gian thống kê và thời gian nộp báo cáo nghiệp vụ: Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT quy định thời gian thống kê số liệu theo tháng dương lịch và 06 tháng đầu năm/ 12 tháng theo năm dương lịch và thời gian nộp báo cáo sau thời gian thống kê 10 ngày đối với báo cáo nhanh và sau 15 ngày đối với báo cáo định kỳ.

- Về hình thức nộp báo cáo nghiệp vụ: Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT quy định nộp báo cáo trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

Qua hơn 06 năm Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT đi vào thực tiễn quản lý, thấy rằng:

***1. Kết quả đạt được của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT***

- Về phía người dân, tổ chức, doanh nghiệp:

+ Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh, truyền hình trong việc thực hiện hồ đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận dễ dàng;

+ Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh, truyền hình trong việc thực hiện báo cáo nghiệp vụ về kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá, trả tiền và báo cáo hoạt động liên kết sản chương trình, kênh chương trình. doanh nghiệp, đài truyền hình, đài phát thanh, truyền hình, thuận lợi trong công tác quản lý hoạt động của các doanh nghiệp.

- Về phía cơ quan quản lý nhà nước:

+ Khi các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện hồ sơ theo đúng biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT, Cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương thuận lợi trong công tác thẩm định, cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận. Cụ thể: Cục PTTH&TTĐT thuận lợi trong việc thẩm định hồ sơ kiến nghị Lãnh đạo Bộ cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh, truyền hình; Cục PTTH&TTĐT và Sở TTTT thuận lợi trong việc thẩm định hồ sơ, thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp theo biểu mẫu đã được quy định tại Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT thống nhất trên toàn quốc.

+ Định kỳ các doanh nghiệp, các Đài Truyền hình, Đài Phát thanh, truyền hình báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên kết sản xuất chương trình, kênh chương trình theo đúng biểu mẫu được quy định tại Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT, Cục PTTH&TTĐT và Sở TTTT thuận lợi trong việc tiếp nhận và xử lý dữ liệu, phục vụ cho công tác quản lý.

***2. Tồn tại, hạn chế của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT***

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế gây khó khăn cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể:

- Biểu mẫu Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền/Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước/Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài: Căn cứ pháp lý để thực hiện cấp phép được quy định cố định, cùng với thời gian các căn cứ pháp lý này đã được ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung hoặc hết thời hạn hiệu lực, không phù hợp để làm căn cứ pháp lý cấp Giấy phép, nội dung này cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với căn cứ pháp lý mới và không quy định cứng trong biểu mẫu;

- Biểu mẫu Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình: Mục 4 - quy định hiệu lực Giấy chứng nhận được quy định cố định theo thỏa thuận bản quyền. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận, Cục PTTH&TTĐT thấy nội dung quy định mục nay là chưa phù hợp. Một số kênh chương trình không đủ điều kiện cung cấp trên dịch vụ vẫn được các đơn vị cấp thỏa thuận bản quyền, vì vậy, cần phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp tình hình thực tiễn quản lý.

- Dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP gồm nội dung chính là các kênh chương trình, bên cạnh nội dung dịch vụ theo yêu cầu và dịch vụ giá trị gia tăng, vì vậy, các biểu mẫu báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT chủ yếu tập trung vào yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về số lượng thuê bao và số lượng kênh chương trình trên dịch vụ, chưa yêu cầu báo cáo số liệu về nội dung dịch vụ theo yêu cầu trên dịch vụ.

Trên thực tế, thói quen của người xem dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã có nhiều thay đổi, từ việc xem các kênh chương trình sang xem nội dung theo yêu cầu, vì vậy, nội dung dịch vụ theo yêu cầu ngày càng chiếm phần quan trọng trong tỷ trọng nội dung trên dịch vụ nhưng cơ quan quản lý chưa có dữ liệu định kỳ để quản lý.

- Trên thực tế, các Đài Truyền hình, Đài Phát thanh, truyền hình có hoạt động liên kết sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung để cung cấp trên dịch vụ theo yêu cầu của doanh nghiệp, tại Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT chưa có báo cáo về nội dung này.

***3. Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Thông tư 19/2016/TT-BTTTT***

- Ngày 01/10/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2022/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hinh. Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, đã sửa đổi, bổ sung một số quy định, cụ thể: Cho phép doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet được cung cấp dịch vụ theo yêu cầu độc lập, không cung cấp kênh chương trình; Cho phép doanh nghiệp được chủ động biên tập, phân loại, cảnh báo phim theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ VHTT&DL và chương trình thể thao, giải trí theo hướng dẫn của Bộ TTTT và cho phép doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thiết lập hệ thống thu tín hiệu qua truyền dẫn Internet để thu các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trực tiếp qua vệ tinh có truyền dẫn qua Internet để cung cấp cho các đối tượng theo quy định.

- Chính phủ giao Bộ TTTT hướng dẫn thực hiện một số quy định Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, cụ thể: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet cung cấp dịch vụ theo yêu cầu độc lập, không cung cấp kênh chương trình phải thực hiện kê khai Đơn; Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá thực hiện thông báo danh mục kênh; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền lập hồ sơ quản lý nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng; báo cáo nghiệp vụ theo biểu mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

Để khắc phục một số tồn tại, hạn chế của Thông tư 19/2016/TT-BTTTT, đồng thời triển khai công tác quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình theo các quy định được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, Cục PTTH&TTĐT đã chủ trì xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT (dự thảo Thông tư).

***4. Nội dung chủ yếu của dự thảo Thông tư***

***4.1. Về biểu mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép/ Giấy chứng nhận***

Các mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận quy định tại Thông tư 19/2016/TT-BTTTT vẫn đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay, không cần phải sửa đổi, bổ sung.

***4.2. Về biểu mẫu Giấy phép/ Giấy chứng nhận:***

Các biểu mẫu: Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước; Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài cần được sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay, cụ thể:

***Một là,*** loại bỏ những căn cứ pháp lý đã không còn hiệu lực, gồm: “Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999; Nghị định số [132/2013/NĐ-CP](http://mic.gov.vn/vbqppl/Lists/Vn%20bn%20QPPL/Attachments/7948/132-nd.pdf) ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 2 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020 và Quyết định số 01/2015/QĐ-TTg ngày 7 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020 và Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình Việt Nam đến năm 2020;…”.

***Hai là***, bổ sung những căn cứ pháp lý mới còn hiệu lực phù hợp và chuyển sang dạng in nghiêng để cho phép cơ quan thực thi thay đổi khi căn cứ pháp lý thực hiện việc cấp phép thay đổi hoặc cập nhật, bổ sung căn cứ khi có quy định quản lý mới, như sau: “*Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông; Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;…*”

***Ba là***, điều chỉnh từ quy định cứng (chữ thẳng) sang quy định mềm (chữ nghiêng) tại một số nội dung để cơ quan quản lý quy định trong Giấy phép/ Giấy chứng nhận phù hợp với điều kiện quản lý thực tế, như: nơi nhận, hiệu lực Giấy chứng nhận, đơn vị nộp báo cáo nghiệp vụ...

***4.3. Về báo cáo nghiệp vụ:***

Thực tiễn, thời gian qua, để quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Cục PTTH&TTĐT đã có văn bản yêu cầu các doanh nghiệp có hoạt động cung cấp dịch vụ truyền hình theo yêu cầu báo cáo đột suất số liệu về: số lượng nội dung; số liệu về thời lượng nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu.

Để đánh giá nhu cầu xem các kênh truyền hình thiết yếu quốc gia của người dân, Cục PTTH&TTĐT đã có văn bản yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hinh cáp IPTV và cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet báo cáo đột suất số liệu thuê bao có xem các kênh chương trình thiết yếu quốc gia và thời gian xem kênh.

Khi nhận được yêu cầu báo cáo đột suất của Cục PTTH&TTĐT, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo yêu cầu, doanh nghiệp có hệ thống đo lường khán giả xem kênh chương trình đều thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời. Đây đều là các số liệu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đều phải quản lý, đánh giá hiệu quả nội dung cung cấp trên dịch vụ để xây dựng phương án kinh doanh phù hợp.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý mới tại Nghị định số 71/2022/NĐ-CP và đáp ứng yêu cầu quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình theo xu thế hiện nay, cần bổ sung Biểu mẫu báo cáo, cụ thể như sau:

***Một là***, bổ sung Biểu mẫu báo cáo nhanh về số lượng, thời lượng nhóm chương trình của dịch vụ theo yêu cầu, số liệu người xem các kênh thiết yếu quốc gia;

***Hai là***, bổ sung Biểu mẫu báo cáo định kỳ về số lượng, thời lượng nhóm chương trình của dịch vụ theo yêu cầu, số liệu người xem các kênh thiết yếu quốc gia, số liệu doanh thu theo từng thể loại dịch vụ.

***Ba là***, bổ sung Biểu mẫu báo cáo về hoạt động liên kết sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

***4.4. Về hướng dẫn kê khai và lập hồ sơ quản lý nội dung dịch vụ theo yêu cầu, dịch vụ giá trị gia tăng:***

Để đáp ứng yêu cầu quản lý mới tại Nghị định số 71/2022/NĐ-CP và đáp ứng yêu cầu quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình theo xu thế hiện nay, cần bổ sung hướng dẫn kê khai Đơn đề nghị cấp Giấy phép/ Tờ khai cấp Giấy chứng nhận và lập hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu, dịch vụ giá trị gia tăng, cụ thể:

***Một là***, bổ sung Hướng dẫn kê khai Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 01/DVTHTT, đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu, đây là loại hình dịch vụ không cung cấp kênh chương trình mới được quy định bổ sung tại Nghị định số 71/2022/NĐ-CP, doanh nghiệp cần thực hiện kê khai một số mục tại đơn đề nghị cấp phép nội dung phù hợp. Bổ sung hướng dẫn kê khai Tờ khai đăng ký/ sửa đổi/ bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo biểu mẫu số 05/DVTHTT, doanh nghiệp không phải kê khai “Loại kênh chương trình/ Tôn chỉ, mục đích kênh chương trình” và “Giấy phép sản xuất kênh hoặc Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài” và bổ sung hướng dẫn kê khai Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh theo biểu mẫu số 07/DVTHTT, đối với doanh nghiệp có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trường hợp thu tín hiệu qua Internet, doanh nghiệp kê khai đầy đủ tên thiết bị sử dụng và địa chỉ Internet xác định để phát, thu tín hiệu kênh chương trình tại mục 3.3.

***Hai là,*** Bổ sung hướng dẫn lập hồ sơ theo dõi dịch vụ theo yêu cầu và dịch vụ giá trị gia tăng để các doanh nghiệp thuận lợi trong hoạt động quản lý cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp theo quy định pháp luật và dễ dàng thực hiện các báo cáo nghiệp vụ theo quy định nêu trên.

***4.5. Bổ sung quy định về chu kỳ thống kê, thời hạn nộp báo cáo và cách thức nộp báo cáo nghiệp vụ***

- Bổ sung quy định thời kỳ báo cáo, thời gian nộp báo cáo đối với Biểu mẫu số 09A về báo cáo định kỳ hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Quy định này thống nhất với thời kỳ báo cáo, thời gian nộp báo cáo đối với Biểu mẫu số 09. Tạo điều kiện cho các doanh nghiêp thực hiện và cơ quan quản lý tiếp nhận, xử lý số liệu.

- Bổ sung quy định thời kỳ báo cáo, thời gian nộp báo cáo đối với Biểu mẫu số 10A về báo cáo nhanh hoạt động cung cấp nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Quy định này thống nhất với thời kỳ báo cáo, thời gian nộp báo cáo đối với Biểu mẫu số 10. Tạo điều kiện cho các doanh nghiêp thực hiện và cơ quan quản lý tiếp nhận, xử lý số liệu.

- Bổ sung quy định thời kỳ báo cáo, thời gian nộp báo cáo đối với Biểu mẫu số 16A về báo cáo định kỳ hoạt động liên kết biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Quy định này thống nhất với thời kỳ báo cáo, thời gian nộp báo cáo đối với Biểu mẫu số 16. Tạo điều kiện cho các cơ quan báo chí có hoạt động liên kết này thực hiện và cơ quan quản lý tiếp nhận, xử lý số liệu.

- Bổ sung quy định hình thức nộp báo cáo, bên cạnh việc nộp báo cáo bằng hình thức truyền thống như nộp trực tiếp, qua hệ thống bưu chính, bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp nộp báo cáo qua hệ thông trực tuyến.

***5. Dự kiến kết quả đạt được***

- Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp thực hiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép/ Giấy chứng nhận, doanh nghiệp căn cứ vào hướng dẫn để thực kiện kê khai Đơn/ Tờ khai dễ dàng.

- Doanh nghiệp lập hồ sơ nội dung dịch vụ theo yêu cầu, dịch vụ giá trị gia tăng sẽ quản lý chặt chẽ nội dung doanh nghiệp đã có bản quyền, đã được biên tập,..vì vậy, doanh nghiệp thuận lợi hơn trong thực hiện cung cấp dịch vụ theo đúng quy định pháp luật, báo cáo nghiệp vụ.

- Giảm chi phí cho doanh nghiệp trong hoạt động báo cáo nghiệp vụ thông qua việc cho phép doanh nghiệp nộp báo cáo trực tuyến.

- Cơ quan quản lý có đầy đủ số liệu quản lý dịch vụ phát thanh, truyền hình, đặc biệt là dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, kịp thời có chính sách phù hợp để thúc đẩy thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình phát triển.

**CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỂN TỬ**